

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03** /GPMT-UBND

Ninh Phước, ngày **26** tháng **5** năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước về việc ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Thuận Hải PR số 01/CV-THPR ngày 20/02/2023; số 26/04/CV-THPR ngày 26/4/2023 và hồ sơ kèm theo;

*Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số **637** /TTr-PTNMT ngày **24** tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Thuận Hải PR, địa chỉ Quốc lộ 27A, đường Phan Đăng Lưu, P.Phước Mỹ, TP. Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư Nạo vét và tận thu đất lòng hồ Tà Ranh, xã Phước Thái, huyện Ninh Phước (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nạo vét và tận thu đất lòng hồ Tà Ranh, xã Phước Thái, huyện Ninh Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Thái, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500629072 đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 07/01/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/12/2021.

1.4. Mã số thuế: 4500629072.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác,...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Diện tích khu vực nạo vét lòng hồ 17,64 ha; khối lượng nạo vét 273.869,95 m³.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải, bụi ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Thuận Hải PR có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Mười (10) năm (từ ngày 26 tháng 5 năm 2023 đến ngày 26 tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân xã Phước Thái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /✓

Nơi nhận ✓

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Phước Thái;
- Chủ Dự án;
- Công Thông tin điện tử UBND huyện;
- Lưu: VT, PTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Khánh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **03** /GPMT-UBND ngày **22** tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được dẫn về hồ chứa theo phương thức tự chảy, sau đó được tái sử dụng cho tưới ẩm và đập bụi trong khuôn viên thuê nhà vệ sinh.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hồ chứa, tọa độ: $x = 1278956$, $y = 568741$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°) nằm trong khu vực nhà dân mà Công ty đã thuê tại xã Phước Thái, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Nước thải sinh hoạt: $0,705 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, tương đương $0,029 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT được tập trung vào hồ chứa theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Nước thải sinh hoạt phải đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10

10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau khi xử lý được dẫn về hố chứa và được tái sử dụng cho tưới ẩm và đập bụi trong khuôn viên thuê nhà vệ sinh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại: Nước thải → bể tự hoại 03 ngăn, ngăn chứa nước (dung tích 2,25 m³) → ngăn lắng (dung tích 1,2 m³) → ngăn lọc (dung tích 1,2 m³) → hố chứa nước sau xử lý (dung tích 0,9 m³) → tái sử dụng cho tưới ẩm và đập bụi trong khuôn viên thuê nhà vệ sinh.

- Công suất xử lý nước thải sinh hoạt của hệ thống xử lý nước thải Dự án: 0,705 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chế phẩm sinh học EM/P.MET.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/10/2023 đến ngày 01/01/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu đối với nước thải sinh hoạt: Tại vị trí có tọa độ $x = 1278956$, $y = 568741$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°) tại xã Phước Thái, huyện Ninh Phước tỉnh Ninh Thuận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định bể tự hoại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thu gom vào hố chứa để tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên thuê nhà vệ sinh.

3.2. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại dịch vụ Thuận Hải PR chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **03** /GPMT-UBND ngày **26** tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI:

1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:

Nguồn phát sinh khí thải, bụi từ hoạt động của máy móc, thiết bị và quá trình nạo vét, xúc bốc, vận chuyển khối lượng vật liệu từ khu nạo vét và bãi tập kết. Trong đó thành phần ô nhiễm chính : Bụi (TSP), NO₂, SO₂, CO..

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi:

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:

- Trong phạm vi của khu vực nạo vét dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)		Điểm	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	1277619	568116	6	1277531	567646
2	1277234	567875	7	1277714	567756
3	1277246	567777	8	1277819	567787
4	1277392	567707	9	1277934	567780
5	1277427	567628			

- Trong phạm vi của khu vực bãi tập kết của dự án có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)		Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	1278132.90	567895.77	12	1278261.25	567980.20
2	1278174.17	567917.87	13	1278253.07	567980.89
3	1278200.05	567923.92	14	1278249.99	567981.66

Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°)		Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°)	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
4	1278219.12	567925.64	15	1278168.70	567954.57
5	1278238.10	567931.95	16	1278167.74	567957.47
6	1278240.59	567939.77	17	1278165.20	567956.42
7	1278274.06	567949.85	18	1278156.51	567950.10
8	1278282.13	567952.42	19	1278146.85	567942.32
9	1278286.59	567993.86	20	1278135.56	567931.47
10	1278267.95	567987.65	21	1278109.84	567917.36
11	1278265.01	567983.57	1	1278132.90	567895.77

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: Khi máy móc, thiết bị của quá trình hoạt động nạo vét và từ việc xúc bốc, vận chuyển khối lượng nạo vét cùng hoạt động.

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải: Không liên tục và chỉ phát sinh khi có hoạt động nạo vét và xúc bốc, vận chuyển khối lượng nạo vét.

2.2.2. Chất lượng không khí tại Dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	300
2	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	200
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	350
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	30.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải, bụi:

1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ quá trình hoạt động nạo vét:

- Phun nước tạo ẩm trên bề mặt luồng nạo vét trong trường hợp vị trí luồng nạo vét khô.

- Áp dụng các thiết bị thi công cơ giới hóa các thao tác trong quá trình thi công nạo vét và thực hiện thi công nhanh, gọn để giảm thiểu mức độ tác động tới môi trường xung quanh.

- Ưu tiên tối đa việc nạo vét và vận chuyển vật liệu nạo vét khi khối lượng còn ẩm.

1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi phát sinh tại bãi tập kết vào mùa khô:

- Không tồn lưu vật liệu nạo vét lâu ngày, tập kết vật liệu nạo vét không quá chiều cao quy định (*Chiều cao quy định của bãi tập kết là 3m*).

- Phun nước dập bụi toàn bộ bề mặt khu vực bãi tập kết vào những ngày khô hạn và có gió nhất là khu vực đang bốc xúc, với tần suất 2 lần/ngày.

- Thuê nhân công địa phương thường xuyên quét dọn tại các điểm giao nhau từ lòng hồ lên đường nông thôn, từ bãi tập kết ra đường và đoạn đường đi qua khu dân cư với tần suất 1 lần/ngày.

1.3 Công trình, biện pháp xử lý bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển:

- Bố trí thời gian, tần suất vận chuyển của các phương tiện hợp lý để giảm thiểu tác động của khí thải.

- Xe vận chuyển phải có bạt che phủ bên trên nhằm hạn chế bụi phát tán. Không được chở quá trọng tải quy định.

- Phân công nhân viên điều tiết giao thông tại khu vực dự án trong quá trình vận chuyển.

- Tưới nước dập bụi tuyến đường vận chuyển đoạn từ khu vực nạo vét về bãi tập kết và các tuyến đường nội bộ với tần suất phun tối thiểu 02 lần/ngày.

1.4 Hóa chất, vật liệu sử dụng cho xử lý bụi: nước mặt lấy từ lòng hồ Tà Ranh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

2.2 Duy trì việc vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị như tưới nước dập bụi tại khu vực dự án, đảm bảo bụi, khí thải xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

2.3. Công ty TNHH xây dựng và Thương mại dịch vụ Thuận Hải PR chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả thải bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh: Chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện vận tải và các máy móc, thiết bị thi công nạo vét.

2. Vị trí phát sinh:

- Trong phạm vi của khu vực nạo vét dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)		Điểm	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	1277619	568116	6	1277531	567646
2	1277234	567875	7	1277714	567756
3	1277246	567777	8	1277819	567787
4	1277392	567707	9	1277934	567780
5	1277427	567628			

- Trong phạm vi của khu vực bãi tập kết của dự án có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)		Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	1278132.90	567895.77	12	1278261.25	567980.20
2	1278174.17	567917.87	13	1278253.07	567980.89
3	1278200.05	567923.92	14	1278249.99	567981.66
4	1278219.12	567925.64	15	1278168.70	567954.57
5	1278238.10	567931.95	16	1278167.74	567957.47
6	1278240.59	567939.77	17	1278165.20	567956.42

Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiều 3°)		Điểm góc	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiều 3°)	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
7	1278274.06	567949.85	18	1278156.51	567950.10
8	1278282.13	567952.42	19	1278146.85	567942.32
9	1278286.59	567993.86	20	1278135.56	567931.47
10	1278267.95	567987.65	21	1278109.84	567917.36
11	1278265.01	567983.57	1	1278132.90	567895.77

3. Tiếng ồn: phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Công ty TNHH xây dựng và Thương mại dịch vụ Thuận Hải PR chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh (gồm bình Ac quy thải, giẻ lau dính dầu nhớt) trung bình khoảng 103,2 kg/năm và dầu nhớt thải khoảng 126 lít/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 11,2kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom vào 02 thùng nhựa kín, có nắp đậy, dung tích 30 lít/thùng, sau đó lưu trữ tại kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại với diện tích 4 m². Định kỳ, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 01 thùng rác dung tích 120 lít tại khu nhà làm việc. Hợp đồng với đội vệ sinh thu gom địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và thiết kế các hạng mục công trình của Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giao



thông trong khu vực hoạt động và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước)



1. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm của Dự án theo quy định và thực hiện việc lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo tại công ty để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra./.